TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 6 - 2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Oanh và ông Hoàng Quốc Tuấn

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Hoàng -Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2023/TLST - HNGĐ, ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11a/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 03 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa 12/2023/TBXX ngày 06 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Dương Trường S, sinh năm 1984. HKTT: Tổ 03, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Chỗ ở: Xóm 09, thôn N, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1989; HKTT: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Chỗ ở: Xóm 09, thôn N, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội. vắng mặt không có lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Phạm Thị Thu H - Luật sư - Công ty luật TNHH B & T. Địa chỉ: Nhà 2B ngách 17, ngõ 124 Phường T, quận T, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 02 năm 2023, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Dương Trường S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N đăng ký kết hôn ngày 31 tháng 10 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được vợ chồng và hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả, anh và chị N đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2022 đến nay không quan tâm đến nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim N.

Về nuôi con: Anh và chị N có một con chung là cháu Dương Việt H, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2017. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu H và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, anh thay đổi ý kiến, đề nghị Tòa án giao cháu H cho chị N nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con số tiền là 3.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị thừa nhận về thời gian, địa điểm kết hôn như anh S trình bày là đúng. Tuy nhiên, chị không nhất trí về nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng, chị xác định giữa chị và anh S đôi lúc có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn bình thường trong cuộc sống hàng ngày, không quá lớn dẫn đến vợ chồng phải ly hôn. Chị xác định vẫn còn tình cảm với anh S nên không nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị về đoàn tụ.

Về nuôi con: Chị và anh S có 01 con chung là cháu Dương Việt H, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2017, nếu anh S vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con số tiền 10.000.000đồng/01 tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản, nợ chung: Ngày 27 tháng 3 năm 2023 chị N có đơn yêu cầu chia tài sản chung của chị và anh S gồm:

- 01 nhà đất tại thôn N, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội thuộc thửa đất số 43b, tờ bản đồ số 40. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 195xxx do UBND huyện Đông Anh cấp ngày 18/9/2012. Diện tích đất 71.6 m^2 trị giá tạm tính 450.000.000^đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng);Trên đất có 01 nhà xây 02

tầng. Trị giá khoảng 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng). Tổng giá trị tài sản là 850.000.000đ (tám trăm năm mươi triệu đồng). Chị yêu cầu chia cho chị hiện vật, chị có nghĩa vụ trả tiền chênh lệch tài sản cho anh S là 425.000.000đ (bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, các thành viên của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các quyền, nghĩa vụ của đương sự đã được bảo đảm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Dương Trường S được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim N; Về nuôi con: Giao cháu Dương Việt H cho chị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền là 3.000.000đồng/01 tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Về chia tài sản: yêu cầu chia tài sản của chị N đưa ra sau thời điểm mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên đề nghị không xem xét, giải quyết trong vụ án này và đề nghị giải quyết các vấn đề về án phí, kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; Bị đơn - chị Nguyễn Thị Kim N có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Nguyên đơn anh Dương Trường S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Phạm Thị Thu H - Luật sư, Công ty luật TNHH B & T có đơn từ chối tham gia tố tụng. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Dương Trường S và chị Nguyễn Thị Kim N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 31 tháng 10 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh S và chị N đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, theo anh S đó là những khác biệt không thể hàn gắn, còn chị N cho rằng đó chỉ là những mâu thuẫn bình thường trong cuộc sống vợ chồng, không đáng phải ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh S và chị N đến hòa giải nhiều lần. Anh S kiên quyết xin ly hôn, chị N đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ, nhưng chị N không đưa ra được những giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, Tòa án Hòa giải không thành. Từ đó, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn vợ chồng của anh S, chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh S là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

[3] *Về nuôi con*: Anh S và chị N có một con chung là cháu Dương Việt H, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2017. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất để chị N là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H cho đến khi đủ 18 tuổi. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về mức cấp dưỡng: Anh S đề nghị được cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đồng/01tháng. Chị N yêu cầu mức cấp dưỡng là 10.000.000đồng/01 tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, anh S làm nghề lái xe, có mức thu nhập không ổn định nhưng vẫn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/01 tháng là phù hợp với thực tế, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận nhận.

[4] *Về chia tài sản, nợ chung*: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 27 tháng 3 năm 2023, chị N có đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, chị N đã được tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án. Ngày 16 tháng 02 năm 2023 Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Như vậy, yêu cầu chia tài sản chung của chị N được đưa ra sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên căn cứ Điều 200 và Điều 202 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của chị N trong vụ án này.

Trường hợp sau khi ly hôn hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; các Điều 227; 228; 238; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 357; 468 Bộ luật dân sự 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Dương Trường S được ly hôn chị Nguyễn Thị Kim N

2. Về nuôi con: Giao cháu Dương Việt H, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2017 cho chị Nguyễn Thị Kim N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Dương Trường S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền là 3.000.000đồng/01 tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án mà anh S chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chưa thi hành án

3. Về án phí: Anh Dương Trường S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh đã nộp theo biên lai số AA/2022/0000078 ngày 03/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Xác nhận anh S đã nộp đủ tiền án phí về việc ly hôn, còn phải nộp thêm số tiền án phí cấp dưỡng là 300.000đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Anh S, chị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự (02);
- VKSND thành phố Yên Bái;
- Chi cục THADS thành phố Yên Bái;
- UBND p.H, tp T (GCNKH số 101/2012 r 31/10/2012);
- Lưu hồ sơ, TA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyến